**NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN TRONG CUỐN SÁCH**

**“VIỆT NAM - NGÔI SAO ĐANG LÊN CỦA CHÂU Á”**

**I. Thông tin khái quát về cuốn sách**

Cuốn sách “***Việt Nam - Ngôi Sao Đang Lên của Châu Á*”** được xuất bản bằng tiếng Việt bởi Công ty Cổ phần Xuất bản và Giáo dục Quảng Văn cùng với Nhà xuất bản Hồng Đức. Cuốn sách này được viết bởi ông Brook Taylor và ông Sam Korsmoe được xuất bản lần đầu bằng tiếng Anh bởi Silkworm Books International vào tháng 10/2023.

Cuốn sách gồm 12 chương, 6 nghiên cứu trường hợp và một dự báo về viễn cảnh kinh tế đến năm 2050, cung cấp một cái nhìn bao quát, ngắn gọn về lịch sử Việt Nam, trên cơ sở đó tập trung vào tương lai của của Việt Nam cũng như những tiền đề để Việt Nam trở thành một “Con rồng kinh tế mới châu Á”.

Chương 1. GIẢ THUYẾT

Chương 2: 2.000 NĂM ĐẦU TIÊN

Chương 3: TÍNH CÁCH NGƯỜI VIỆT NAM

Chương 4: MỞ CỬA NỀN KINH TẾ

Chương 5: TỰ DO THƯƠNG MẠI

Chương 6: NHỮNG NGƯỜI LÀM CHÍNH SÁCH

Chương 7: CON RỒNG KINH TẾ VIỆT NAM LIỆU CÓ TRỖI DẬY?

Chương 8: LỢI THẾ CỦA NHỮNG CON RỒNG CHÂU Á ĐẦU TIÊN

Chương 9: VIỆT NAM CÓ GÌ?

Chương 10: CÁC NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH

Chương 11: NHỮNG RỦI RO PHÍA TRƯỚC

Chương 12: VIỆT NAM NĂM 2050

Các chương từ 1 đến 6 đóng vai trò nền móng để sau đó tác giả tìm hiểu những vấn đề trọng tâm của giả thuyết được phân tích trong chương 7, 8. Chương 9 phân tích những “công cụ” mà chỉ Việt Nam có và những đóng góp của chúng với sự tăng trưởng của Việt Nam trong giai đoạn 2020-2050. 6 nghiên cứu điển hình ở chương 10 sẽ thể hiện cách các “công cụ” được vận dụng trong thực tiễn của các lĩnh vực giáo dục, công nghệ, công trình công cộng, nông nghiệp, thể thao, du lịch, ẩm thực và các vấn đề xã hội. Mỗi lĩnh vực đều đóng góp vào một xu hướng chung có thể tạo điều kiện cho Việt Nam lặp lại thành công của Hàn Quốc và Đài Loan (TQ) trong những năm 1980-1990. Chương 11 và 12, các tác giả xem xét viễn cảnh tương lai, dự báo mức tăng trưởng của Việt Nam trong giai đoạn 2020-2050, có tính đến những khả năng xấu và những vấn đề mà giới lãnh đạo, các nhà đầu tư, các đối tác cũng như người dân Việt Nam cần lưu ý trong thập niên 2020 và 2030 để đảm bảo tốc độ tăng trưởng hiện tại không bị chững lại hoặc gặp trở ngại.

**II. Lý do chọn cuốn sách để giới thiệu**

- Thực hiện chủ trương phát triển văn hoá đọc của Ban Giám đốc Học viện Chính trị khu vực I: Đáp ứng yêu cầu giới thiệu sách chuyên môn phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Về giá trị cuốn sách: Nội dung cuốn sách có giá trị tham khảo trong giảng dạy và nghiên cứu khoa học ở Khoa Lịch sử Đảng nói riêng và Học viện Chính trị Khu vực I nói chung.

+ Nội dung cuốn sách được áp dụng trực tiếp trong giảng dạy các chuyên đề của bộ môn Lích sử Đảng, chương trình cao cấp lý luận chính trị: Chuyên đề 4 “Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)”; Chuyên đề 7 “Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong cách mạng Việt Nam”, Chuyên đề 9 “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng - Nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.”

+ Nội dung cuốn sách cũng có thể được áp dụng trong việc giảng dạy một số môn học trong chương trình CCLLCT: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế; Văn hóa và phát triển, xã hội học, Chính trị học.

+ Nội dung cuốn sách được áp dụng trong nghiên cứu cho đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ của chuyên ngành Lịch sử Đảng, phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study), nêu giả thuyết, phân tích, chứng minh để đi đến kết luận...

**III. Nội dung cốt lõi của cuốn sách**

**1. Chương 1. GIẢ THUYẾT**,

Dung lượng: **18 trang, trang 37-54**

Tác giả nêu giả thuyết cơ bản của cuốn sách: “Việt Nam sẽ trở thành ‘con rồng kinh tế’ mới của châu Á, sẽ theo đuổi con đường tăng trưởng và phát triển giống với những ‘con rồng kinh tế’ trước đó là Hàn Quốc và Đài Loan (TQ)”, sau đó xác định các tiêu chí đo lường và kiểm định giả thuyết đó.

Để đánh giá xem Việt Nam có thể được coi là “con rồng kinh tế” mới hay không, tác giả xác định 6 tiêu chí:

1. Chỉ số kinh tế: phải có sự tăng trưởng ổn định trong ít nhất 10 năm liên tục (các chỉ số như GDP, FDI, thương mại, … cần tăng cường liên tục trong nhiều năm).
2. Xuất khẩu: phải không ngừng dịch chuyển lên những bậc cao hơn trên chuỗi giá trị của các mặt hàng được sản xuất để phục vụ xuất khẩu (các nhà máy trong nước liên tục đầu tư cải tiến để sản xuất ra các sản phẩm ngày càng phức tạp, đạt tỉ suất lợi nhận và có hàm lượng kỹ thuật cao hơn cho cả nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng nội địa).
3. Công nghiệp hóa: có các cơ chế tạo điều kiện cho sự phát triển và tăng trưởng công nghiệp ở cả hiện tại và tương lai (môi trường kinh doanh tự do hướng ngoại, ưu tiên cạnh tranh quốc tế hơn là thay thế nhập khẩu, mở cửa thu hút FDI, tái cơ cấu doanh nghiệp quốc doanh, giảm tỉ trọng nông nghiệp, đồng thời tăng tỉ trọng công nghiệp trong GDP…) đồng thời xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ sự phát triển của công nghiệp (cầu, đường, cảng biển, cảng hàng không, nhà máy điện…)
4. Chuyên môn: lực lượng lao động có tay nghề và trình độ học vấn ngày càng cao
5. Thị trường: các sản phẩm Made in Vietnam tiếp cận tới nhiều thị trường trên toàn cầu
6. Lãnh đạo: lãnh đạo hiệu quả, trọng dụng nhân tài thay vì tập trung quyền lực vào tay một số ít (dù không phải lúc nào cũng minh bạch nhưng vẫn có sự thay đổi về nhân sự lãnh đạo để phản ánh quyết tâm đưa đất nước đi lên và phát triển, thay vì chủ tập trung vào những lợi ích không đáng kể).

Từ những năm, 1970 trở đi, Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc, Đài Loan (TQ) đã đạt được và đáp ứng hầu hết các tiêu chí, Vì sao tác giả lựa chọn Hàn Quốc và Đài Loan (TQ) làm đối tượng so sánh? (đây cũng là 1 điểm thú vị của cuốn sách).

Vì 2 lý do: Lý do đầu tiên dựa vào các yếu tố văn hóa, còn lý do thứ hai liên quan đến lịch sử phát triển của các nền kinh tế hóa rồng những năm 1980-1990.

Về văn hóa, VN, HQ và Đài Loan (TQ) đều chia sẻ những nét chung của văn hóa phương Đông: đặt giáo dục lên hàng đầu, tôn trọng chính quyền, đồng nhất về sắc dân, kiên cường vươn lên sau chiến tranh, siêng năng chăm chỉ trong lao động. (Không chọn TQ vì dân số quá đông, không chọn Nhật Bản vì dù sự phát triển của họ khá giống với HQ và ĐL nhưng lại diễn ra sớm hơn rất nhiều; Hồng Kông và Singapore là các thị quốc). HQ và ĐL là ví dụ tiêu biểu cho việc triển khai thành công *Mô hình phát triển Đông Á* (East Asian Development Model).

Về lịch sử: HQ và ĐL từng là những nền kinh tế kém phát triển trong những năm 1950-1960 như VN trước năm 1990, nhưng đã đạt được những thành tựu to lớn trong bốn thập kỷ từ 1960 đến 2000.

Sự tăng trưởng của Việt Nam trong giai đoạn từ 2000- 2020 cho thấy câu chuyện tương tự khi xét đến các tiêu chí cốt lõi của Mô hình phát triển Đông Á (thương mại, đầu tư trực tiếp nước ngoài, đầu tư trong nước, dự trữ ngoại tệ, viện trợ phát triển chính thức và các tiêu chí đo lường khác. VN đã đạt được những tiêu chí này theo cách tương tự như HQ và ĐL đã làm được trong những năm 1960-1980. Hơn nữa, Việt Nam còn có một số lợi thế mà HQ và ĐL không có (nông nghiệp trù phú, tài nguyên dầu khí, địa lý thuận lợi, dân số đông hơn, lực lượng lao động hùng hậu hơn).

**Các tiêu chí** được tác giả sử dụng để đánh giá khả năng lặp lại mô hình

của HQ và ĐL (TQ) gồm 5 tiêu chí:

1. Văn hóa
2. Công nghệ
3. Môi trường
4. Chính sách
5. Quản trị

Không phải là một cuốn sách về lịch sử, nhưng để hiểu được những động lực thúc đẩy Việt Nam phát triển như ngày nay rất cần hiểu về cơ sở, nền tảng lịch sử của dân tộc Việt Nam. Tác giả giới thiệu một phiên bản rút gọn về lịch sử Việt Nam, lồng ghép với những câu chuyện kể từ chính những người Việt đã trải qua những biến cố trong dòng chảy lịch sử đầy những gian lao của Việt Nam qua ND các chương từ chương 2 đến chương 6.

**2. Chương 2: 2.000 NĂM ĐẦU TIÊN**

Dung lượng: **21 trang, trang 55-75**

Trình bày khái quát về lịch sử Việt Nam, từ thời kỳ dựng nước đến thời cận hiện đại. Đây là cơ sở để hiểu về Việt Nam ngày nay. Không chọn lối kể chuyện lịch sử như thường lệ, tác giả giới thiệu một phiên bản rút gọn về những danh nhân và sự kiện lịch sử đã trở thành tên đường phố ở VN – tác giả ví VN như 1 ”bảo tàng lịch sử ngoài trời lớn nhất thế giới”. Và đưa những câu chuyện kể từ chính những người VN đã trải qua những biến cố trong dòng chảy lịch sử đầy những gian lao của đất nước. VN đã luôn phải chiến đấu để thoát khỏi giặc ngoại xâm.

Gồm các nội dung cụ thể sau:

- Trở nên bất tử trên bản đồ;

- Thoát khỏi ách thống trị của Trung Quốc;

- Thời kỳ kháng chiến chống Pháp;

- Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ và sau đó;

- Một đất nước chiến tranh liên miên;

- Những ngày trước 30/4/1975

Tại sao và bằng cách nào mà người Việt Nam có thể chịu đựng nhiều như vậy trong một thời gian dài như vậy?

**3. Chương 3: TÍNH CÁCH NGƯỜI VIỆT NAM**

Dung lượng: **13 trang, trang 76 – 88**

Bàn về những nét tính cách đã giúp người Việt Nam vượt qua các khó khăn và thách thức trong lịch sử, chìa khóa cho sự thành công là *ý chí kiên định và tư duy thực tế*.

Gồm các nội dung cụ thể sau:

- Bị gán mác sai (“Chống thực dân” - “Quốc gia” - “Cộng sản”) dù được gọi thế nào đi nữa thì mục tiêu duy nhất của Việt Nam là giành được độc lập và tự do khỏi sự cai trị của ngoại bang, dù đó là TQ, Pháp, Nhật hay Mỹ;

- 30 năm cuối cùng của giai đoạn 164 năm; tính từ 1858 đến năm 2022, VN chỉ có 32 năm có độc lập, có tự do, có hòa bình và tự do phát triển (1989-2022).

- Kiên định nhưng thực tế (Ý chí kiên định và tư duy thực tế); theo tác giả đây là chìa khóa để Việt Nam vượt mọi khó khăn để tồn tại và phát triển:

Phương trình (tr.87)

|  |  |
| --- | --- |
| Ý chí kiên định x Không thay đổi chính sách = Không có cơ hội thành công | 1975-1985 |
| Ý chí kiên định x Tư duy thực tế = Có cơ hội thành công | 1989 trở đi |

Bằng ý chí kiên định và tư duy thực tế mãnh liệt, người VN đã bước ra khỏi chiến tranh, mở cửa với thế giới.

**4. Chương 4: MỞ CỬA NỀN KINH TẾ,**

Dung lượng: **18 trang, trang 89-106.**

Tập trung vào Việt Nam thời kỳ thực hiện đường lối Đổi Mới, về những cơ hội và thách thức mà Việt Nam gặp phải khi mới bắt đầu gia nhập thị trường tự do.

Gồm những nội dung cơ bản sau:

- Bầu không khí sôi động;

- Kinh tế thị trường định hướng XHCN;

- Ai nấy đều lạc quan.

Những năm 90, nền kinh tế Việt Nam thực sự bùng nổ với tốc độ tăng trưởng ổn định hàng năm từ 8% đến 9%, nhưng không phải ai cũng sẵn sàng (câu chuyện về Jame Bond 007 – “Tomorrow never die”, năm 1997, giấy phép đã được ấp, phòng khách sạn đã được đặt và thiết bị đang được chuyển đến để quay tại Việt Nam thì nhận được thông báo dự án bị hủy vì không phải ai trong giới lãnh đạo VN cũng đồng ý với kịch bản phim, nên cơ quan quản lý đã tuyên bố hủy dự án vào phút cuối. Dù bị hủy quay nhưng bộ phim vẫn lấy bối cảnh Việt Nam nhưng quay ở Thái Lan.

Với nhiều chính sách mới về kinh tế, bước vào đầu thiên niên kỷ mới, Việt Nam mở cửa đón FDI, thương mại và cho phép công dân kinh doanh và hòa nhập cùng thế giới.

**5. Chương 5: TỰ DO THƯƠNG MẠI,**

Dung lượng: **32 trang, trang 107-138**

Bàn luận sâu hơn về lý do khiến Việt Nam quyết tâm theo đuổi tự do thương mại, thông qua việc phân tích các số liệu kinh tế và xã hội.

- Việt Nam nghiêm túc lựa chọn tự do thương mại (từ tham gia WTO, 2007)

- Chỉ số kinh tế

- Câu chuyện Việt Nam qua các con số (1990-2020):

+ Nhân khẩu học

+ Vốn

+ Cổ phần hóa khu vực nhà nước

+ Mở rộng khu vực tư nhân

+ Thu hút FDI

+ Lực lượng lao động

+ Sản lượng sản xuất

+ Tài sản của hộ gia đình

+ Tiêu dùng

+ Nguồn thu và chi tiêu của chính phủ

+ Xuất khẩu

+ Giáo dục được cải thiện

+ Tiến bộ về y tế

+ Xóa đói giảm nghèo

+ Kinh tế vĩ mô

**6. Chương 6: NHỮNG NGƯỜI LÀM CHÍNH SÁCH**

Dung lượng: **18 trang, trang 139-157**

Trình bày sơ lược về bộ máy chính trị, về những định kiến và hiểu nhầm của thế giới về Việt Nam.

Các nội dung cụ thể:

- Chính phủ

- Độc lập và tự do

- Cuộc tranh luận lớn

- Ý chí kiên định và tư duy thực tế trong chính trị là yếu tố quan trọng đã thôi thúc Việt Nam thủ nghiệm những ý tưởng mới, liên tục điều chỉnh các chính sách để từng bước hướng đến hiệu quả.

**7. Chương 7: CON RỒNG KINH TẾ VIỆT NAM LIỆU CÓ TRỖI DẬY?**

Dung lượng: **27 trang, trang 158-184**

Tập trung vào việc trả lời hai câu hỏi:

- *Câu hỏi thứ nhất* là liệu có thể gọi Việt Nam là một con rồng kinh tế không?

Xuất phát từ thuật ngữ “con rồng kinh tế”, tác giả chỉ ra các tiêu chí của một nền kinh tế được coi là *rồng,* phân tích trên cơ sở so sánh với Đài Loan (TQ) và Hàn Quốc những năm 1970-1990 để trả lời Việt Nam đã, chưa hoặc không thể đạt những tiêu chí nào? Những tiêu chí này đã xác định ở chương 1.

(1) Chỉ số kinh tế: GDP, thương mại, dự trữ ngoại tệ, FDI… - “Chắc chắn là có”

(2) Xuất khẩu - “chưa thể kết luận”

(3) Công nghiệp hóa - “Không”

(4) Chuyên môn - “Tỷ lệ “có” không khả quan lắm”

(5) Thị trường - “Chắc chắn là “có”

(6) Lãnh đạo - “Chưa thể kết luận”

=> 3 câu trả lời “có”, 2 câu “Chưa thể kết luận”, 1 câu trả lời “không”, xét trên tỷ lệ thì *Việt Nam xứng đáng được công nhận là một con rồng kinh tế.*

- *Câu hỏi thứ hai* là con rồng kinh tế Việt Nam liệu có trỗi dậy?

Để trả lời cho câu hỏi thứ 2 này, các tác giả chia thành 3 bước, và lần lượt giải quyết từng bước ở 3 chương tiếp theo.

- Bước 1: Chương 8: Đánh giá những lợi thế so sánh mà Hàn Quốc và Đài Loan (TQ) có trong giai đoạn 1980-1990, đồng thời kiểm tra xem Việt Nam có sở hữu những lợi thế đó trong giai đoạn 2020-2030 không?

- Bước 2: Chương 9: Liệt kê những lợi thế so sánh mà Việt Nam đang có so với Hàn Quốc và Đài Loan (TQ) trong những năm 1980-1990

- Bước 3: Chương 10: Trình bày các nghiên cứu điển hình, bao quát nhiều lĩnh vực kinh tế xã hội mà các tác giả tin rằng sẽ có tác động đáng kể đế tương lai của VN, cũng như khả năng lặp lại thành công của Hàn Quốc và Đài Loan (TQ)

- Bay lên để thoát khỏi Bẫy thu nhập trung bình

- Hành trình rơi vào Bẫy thu nhập trung bình

**8. Chương 8: LỢI THẾ CỦA NHỮNG CON RỒNG CHÂU Á ĐẦU TIÊN**

Dung lượng: **24 trang, trang185 - 208**

Phân tích thêm về Hàn Quốc và Đài Loan (TQ), về những điểm giống và khác nhau của hai nền kinh tế này trong giai đoạn 1980 và 1990 với Việt Nam hiện tại. Đánh giá những lợi thế so sánh mà Hàn Quốc và Đài Loan có trong giai đoạn 1980-1990, đồng thời kiểm tra xem Việt Nam có sở hữu những lợi thế thế đó trong giai đoạn 2020-2030?

Những nội dung cụ thể:

- Mô hình phát triển

+ Ưu tiên cho giáo dục

+ Đầu tư vào công nghệ cao

+ Kiên cường sau chiến tranh - thế hệ vĩ đại nhất

+ Vị thế quốc gia được thèm muốn nhất

+ Cam kết thương mại và hội nhập toàn cầu

+ Địa lý

+ Văn hóa

+ Chênh lệch giàu nghèo

+ Sự ổn định và mục tiêu chính trị

+ Tương lai rộng mở

Lý do khiến các tác giả lựa chọn HQ và ĐL (TQ) để phân tích, so sánh, đối chiếu thì tôi đã đề cập ở bên trên với điểm tương đồng về văn hóa, về lịch sử.

HQ và ĐL đã có những gì họ cần để tiếp tục phát triển. Việt Nam có làm được tương tự không?

**9. Chương 9: VIỆT NAM CÓ GÌ?**

Dung lượng: **23 trang, trang 209-232**

Bàn luận về những lợi thế mà Việt Nam có để phát triển kinh tế, ví dụ như nguồn nhân lực giá rẻ chất lượng cao, dân số trẻ, tỷ lệ đô thị hóa cao, tài nguyên thiên nhiên phong phú… so với Hàn Quốc và Đài Loan (TQ) trong những năm 1980-1990.

Nội dung cụ thể gồm:

- Công xưởng thế giới: Trung Quốc + 1

**- Khả năng huy động quần chúng** – dựa trên dữ liệu lịch sử của Việt Nam (kháng chiến chống ngoại xâm, chống COVID-19… tác giả đi đến kết luận: VN đã dựa vào nhân dân để chung tay chống lại kẻ thù, dù đó là kẻ thù hữu hình như TQ, Pháp, Hoa Kỳ hay vô hình như nạn dốt, hay đói nghèo cùng cực… người Việt Nam sẵn sàng làm những gì cần thiết để đưa đất nước vượt qua khủng hoàng và tiến lên. – đây là một lợi thế quan trọng cho sự tăng trưởng và phát triển của đất nước.

- Nhân khẩu học và đô thị hóa

- Vai trò của phụ nữ - sự tham gia và đóng góp tích cực của phụ nữ đối với sự phát triển của đất nước – điều này khác với ĐL, HQ và nhiều quốc gia khác trên thế giới

- Tài nguyên thiên nhiên và sự giàu có về nông nghiệp

- Cộng đồng Việt kiều

**- Số hóa và Internet:** hiện nay, giới trẻ Việt Nam và những người lao động Việt Nam có trong tay những công nghệ hiện đại bậc nhất – điều mà những năm 80-90, người HQ và ĐL không thể mơ tới. Việt Nam đã bắt đầu chứng tỏ mình trong thế giới công nghệ. Nghiên cứu điển hình số 2 được trình bày trong chương 10 sẽ thể hiện rõ hơn nội dung “Công nghệ nhảy vọt”.

- Một điểm tựa làm đòn bẩy

**10. Chương 10: CÁC NGHIÊN CỨU ĐIỂN HÌNH**

Dung lượng: **84 trang, trang 233-317.**

Trình bày các nghiên cứu điển hình, bao quát nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội mà các tác giả tin rằng sẽ có tác động đáng kể đến tương lai của Việt Nam, cũng như khả năng lặp lại thành công của Hàn Quốc và Đài Loan (TQ). Các nghiên cứu điển hình được lựa chọn từ nhiều lĩnh vực: kinh tế (giáo dục, cơ sở hạ tầng); nguồn nhân lực (vai trò của phụ nữ); xu hướng (vai trò của công nghệ, Việt Nam trở thành điểm du lịch nổi tiếng…) Để lựa chọn các chủ đề phục vụ nghiên cứu điển hình, các tác giả đã dựa trên 4 tiêu chí:

1. Có xu hướng thú vị nào trong lĩnh vực này không?

2. Việt Nam đang làm gì trong lĩnh vực này mà các nước khác chưa làm hoặc chưa làm tốt

3. Nghiên cứu điển hình này có giúp kiểm tra giả thuyết đã đặt ra?

4. Hoạt động diễn ra trong lĩnh vực này có liên quan và có dẫn đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam không?

Dựa trên các tiêu chí đó, tác giả lựa chọn sáu nghiên cứu điển hình, bàn luận về các vấn đề cụ thể của Việt Nam trong thời đại mới:

- Nghiên cứu điển hình số 1: Giáo dục

- Nghiên cứu điển hình số 2: Công nghệ nhảy vọt

- Nghiên cứu điển hình số 3: Vai trò của phụ nữ

- Nghiên cứu điển hình số 4: Du lịch, ẩm thực, nghệ thuật và giấc mơ Thế vận hội

- Nghiên cứu điển hình số 5: Nông nghiệp giá trị gia tăng

- Nghiên cứu điển hình số 6: Công trình công cộng

Sau mỗi nghiên cứu điển hình sẽ có 1 mẫu đánh giá. Qua các tiêu chí văn hóa, công nghệ, môi trường, chính sách và quản trị, mỗi nghiên cứ sẽ ủng hộ, phủ định hay trung lập giả thuyết. Kết quả tốt nhất là giả thuyết của tác giả đưa ra là đúng, điều đó có nghĩa là Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển. Muốn vậy, phần lớn tác động phải tích cực, ủng hộ, càng ít tác động tiêu cực (phủ định) càng tốt.

Từ nghiên cứu điển hình số 3: **Vai trò của phụ nữ** để giúp chúng ta hình dung về cách thức đánh giá của tác giả về lĩnh vực này tác động đến giả thuyết ntn?

Từ tổng kết lịch sử, các tác giả nhấn mạnh phụ nữ VN đã đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc đấu tranh giành độc lập và tự do cho dân tộc. Họ đã gánh nửa bầu trời để giúp đất nước giành chiến thắng và cho sự phát triển của đất nước như ngày nay.

Một trong những số liệu khiến các nhà quan sát mới tìm hiểu về VN cảm thấy ngạc nhiên là quy mô của lực lượng lao động, khoảng 60 triệu/100 triệu, tỷ lệ thất nghiệp thấp. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ Việt Nam cao hơn hầu hết các quốc gia khác. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động của phụ nữ từ 15 tuổi trở lên là 47% trên toàn thế giới (2020) và 68% ở VN; tỷ lệ nữ so với nam trong lực lượng lao động là 67% trên toàn thế giới và 88% ở VN.

Ngay ở Học viện 1 của chúng ta, vào thời điểm 5/2024, số cán bộ nữ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý từ phó trưởng đơn vị trở lên là 17/54 đồng chí, chiếm tỷ lệ 31,5%. Trong đó, cấp lãnh đạo Học viện có 01 cán bộ nữ (Phó Giám đốc); Cấp Trưởng đơn vị có 6 cán bộ nữ; Cấp Phó trưởng đơn vị có 10 cán bộ nữ. Tính riêng trong năm 2023, Học viện đã bổ nhiệm và điều động bổ nhiệm 11 cán bộ nữ vào vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, gồm: Cấp Học viện: 01 nữ/01 nam; Cấp trưởng, phó các đơn vị thuộc Học viện 10 nữ/14 nam. Tỷ lệ nữ tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 là 20% (03 cán bộ nữ/ 15 đồng chí). Tỷ lệ nữ tham gia cấp ủy chi bộ trực thuộc nhiệm kỳ 2022-2025: có 20 nữ/ 52 đồng chí, chiếm tỷ lệ 38,5%.

Ngày nay, phụ nữ Việt Nam có thể đảm nhận nhiều vai trò trong nền kinh tế mà phụ nữ HQ, ĐL cách đây 30 năm không có. Tháng 3 năm 2021, dựa trên số liệu khảo sát trên hơn 10.000 nhà lãnh đạo doanh nghiệp ở 29 quốc gia, Grant Thorntorn đã cho công bố báo cáo Women in business hàng năm: theo đó, Việt Nam đứng thứ 3 thế giới về tỷ lệ phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo với 39% phụ nữ nắm giữ các vị trí cấp cao, sau Philipines (48%) và Nam Phi (43%).

Qua các tiêu chí kiểm tra, các phân tích cho thất vai trò của phụ nữ trong nền kinh tế ủng hộ giả thuyết. Có nhiều phụ nữ năng nổ tham gia hoạt động kinh doanh và nắm giữ các vị trí lãnh đạo. Về văn hóa, có rất nhiều ví dụ minh họa tác động tích cực của phụ nữ với đất nước. Trong lĩnh vực công nghệ, phụ nữ cũng thể hiện tiềm năng cạnh tranh mạnh mẽ như đã thấy ở TQ, Indo…. Các chính sách của chính phủ cũng hướng tới sự công bằng và bình đẳng cho phụ nữ (vd trường hợp ly hôn, người phụ nữ có quyền bình đẳng với tài sản của gia đình, hoặc người chồng không được bán tài sản lớn nếu không có sự đồng thuận của người vợ…). Các vấn đề về môi trường, quản trị dường như ko củng cố thêm cho giả thuyết, nhưng cũng không phủ định nó.

**11. Chương 11: NHỮNG RỦI RO PHÍA TRƯỚC**

Dung lượng: **15 trang, trang 318 - 332**

Phân tích những khó khăn và thách thức mà Việt Nam sẽ phải đối mặt trên con đường trở thành một quốc gia có thu nhập cao, bao gồm sự bất bình đẳng giàu nghèo, tình trạng tham nhũng, bộ máy quan liêu, biến đổi khí hậu…

Nội dung cụ thể gồm:

- Khoảng cách giàu nghèo

**- Tình trạng tham nhũng**

**- Năng lực điều hành của nhà nước**

- Đảo ngược thương mại tự do

- Những quy tắc môi trường

- Chuyển dịch văn hóa

- Rủi ro địa chính trị

Về tình trạng tham nhũng: là một thách thức cần được giải quyết. Việt Nam đang quản lý tốt hơn vấn đề này. Năm 2022, tổ chức minh bạch quốc tế xếp VN vào nhóm các quốc gia ở nửa trên, 77/180 quốc gia, tăng 10 bậc so với năm 2021, và cải thiện đáng kể so với năm 2011 khi VN đứng thứ 112. Sự tiến bộ này xuất phát từ một số yếu tố: phải kể đến quyết tâm của Đảng trong việc chống tham nhũng, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình được cải thiện, việc thực thi luật chống tham nhũng được tăng cường.

Bên cạnh những ghi nhận tích cực, các tác giả cũng đã đề xuất 2 nguy cơ đáng quan ngại:

Thứ nhất, các chiến dịch chống tham nhũng có nguy cơ triển khai chậm trễ, thiếu đồng bộ và chưa thực sự hiệu quả, khiến tình trạng tham nhũng từ cấp thấp đến cao tiếp diễn. có thể mang tính hệ thống (được thể chế hóa thành chính sách) như đã xảy ra ở một số nước Đông Nam Á

Thứ 2, tham nhũng có thể ăn sâu đến mức những động cơ đạo đức và chủ nghĩa dân tộc từng giúp đất nước vượt qua khó khăn thử thách trước kia dần bị phai nhạt, thay vào đó là tư tưởng “mạnh ai nấy sống” hơn là một môi trường mà mọi người đồng lòng, chung tay.

Để khắc phục và đối diện, quản lý tốt những thách thức này đòi hỏi Đảng CSVN và chính phủ tiếp tục khẳng định vị trí tốt đang có, sự chung tay của các tổ chức kinh tế lớn khu vực, thế giới và trong nước và nhân dân. Cùng với đó là học hỏi từ các quốc gia như Singarpore, HQ, ĐL và các nước khác để xử lý khi gặp khó khăn, thất bại. – lợi ích của việc đi sau.

**12. Chương 12: VIỆT NAM NĂM 2050**

Dung lượng: **21 trang, trang 333 - 354**

Đưa ra kết luận về giả thuyết đã đặt ra ban đầu, đồng thời đưa ra dự đoán về tương lai của Việt Nam vào năm 2050. Một bản mô tả đầy lạc quan, đầy hứa hẹn và thuyết phục về những yếu tố sẽ tác động tới hành trình ***hóa rồng*** của Việt Nam.

Việt Nam “nhiều khả năng” sẽ lặp lại thành công của Hàn Quốc và Đài Loan (TQ). Nguyên nhân: Thương mại tự do, các đặc điểm văn hóa, nhân khẩu học, công nghệ, địa lý và đất đai.

Dự đoán tương lai, với 3 kịch bản:

1. Kịch bản tiêu chuẩn: Trong 27 năm tới, nền kinh tế sẽ tăng trưởng với

tốc độ tương đương giai đoạn 20 năm trước (tức 6,23% năm).

1. Kịch bản thận trọng: Trong 27 năm tới, nền kinh tế sẽ tăng trưởng chậm

hơn 1.0% so với kịch bản tiêu chuẩn (tức 5,23% năm).

1. Kịch bản lạc quan, Trong 27 năm tới, nền kinh tế sẽ tăng trưởng nhanh

hơn 1.0% so với kịch bản tiêu chuẩn (tức 7,23% năm).

“Liệu đến năm 2025 Việt Nam có trở thành một quốc gia thu nhập cao

không là một câu hỏi thú vị, nhưng không phải là vấn đề duy nhất quan trọng. Khả năng chấp nhận thực tế, vượt qua nỗi ám ảnh quá khứ và sẵn sàng đổi mới sẽ là những yếu tố góp phần giúp họ trở thành một quốc gia giàu mạnh, bất kể nền kinh tế của họ có qua mô thế nào hay GDP bình quân đầu người sẽ là bao nhiêu vào năm 2050” (tr.353).

Để duy trì tốc độ tăng trưởng và sự phát triển của 25 năm vừa qua trong 25

năm tới là một khó khăn, là thách thức lớn đối với Việt Nam, đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Theo nghiên cứu của các tác giả, Việt Nam nhìn vào cách NB và HQ bứt phá:

* NB có quyền đăng cai kỳ thi Olympic: tổ chức năm 1964, họ đã giành quyền

đăng cai vào năm 1959, nghĩa là khoảng 1955 NB đã phải chuẩn bị hồ sơ nghĩa là chỉ 5 năm sau khi kết thúc chiến tranh thế giới thứ 2. Hãy giành quyền tổ chức Olympic nhé và họ đã thành công

* HQ vào năm 1978 -1979, hãy cố gắng giành quyền tổ chức Olympic nhé.

Vào năm 1982 họ được trao quyền tổ chức Olympic năm 1988.

* Thông điệp: Việt Nam hiện có 60 triệu lđ, tuổi trung bình 32. Thế hệ

tương lai chấp nhận thử thách, dám thử thách, có ý tưởng táo bạo về những ý tưởng lớn, đến từ những người trẻ tuổi. Dám thử thách với những điều chưa từng, những điều tưởng như không thể.

**IV. Giá trị vận dụng cuốn sách vào giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại Học viện Chính trị khu vực I**

Cuốn sách viết về Việt Nam từ Lịch sử, hiện tại và tương lai. Lịch sử là nền tảng là cơ sở, là nguồn lực để phát triển hiện tại, đạt được nhiều thành công và dự đoán xu hướng phát triển cho tương lai.

+ Nội dung cuốn sách được áp dụng trực tiếp trong giảng dạy các chuyên đề của bộ môn Lích sử Đảng, chương trình cao cấp lý luận chính trị: Chuyên đề 4 “Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)”; Chuyên đề 7 “Đảng lãnh đạo kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại trong cách mạng Việt Nam”, Chuyên đề 9 “Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng - Nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.”

+ Nội dung cuốn sách cũng có thể được áp dụng trong việc giảng dạy một số môn học trong chương trình CCLLCT: Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế; Văn hóa và phát triển, xã hội học, Chính trị học.

+ Nội dung cuốn sách được áp dụng trong nghiên cứu cho đề tài khoa học cấp cơ sở, cấp bộ của chuyên ngành Lịch sử Đảng, phương pháp tiếp cận liên ngành, phương pháp nghiên cứu trường hợp (case study), nêu giả thuyết, phân tích, chứng minh để đi đến kết luận...

**NGƯỜI GIỚI THIỆU**

**Trần Thị Thúy Hà**